

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/ HNGĐ- ST

Ngày 28/01/2021

V/v: Tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Minh Hòa

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Mùi

2. Bà Nguyễn Thị Thu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Lan - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H - sinh năm 1965

Trú tại: Khu 4, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q - sinh năm 1964

Trú tại: Khu 4, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ hiện nay: Đường nhánh nối 10, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.  
Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn xin ly hôn và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 1986 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chỉ hòa thuận được khoảng 01 năm, sau đó xảy ra mâu thuẫn do ông Q nóng tính, thường xuyên chửi, đánh bà. Nhiều lần bà muốn ly hôn ông Q, nhưng vì thương các con, bà lại cố chịu đựng. Năm 2013 gia đình bà làm ăn thua lỗ, ông Q bỏ đi miền nam. Hơn 01 năm sau, con của ông bà đi tìm ông Q về, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng bà sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Trong 01 năm qua, bà đã

cố gắng hàn gắn nhưng không được. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn Q, vì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà đã quá trầm trọng, không thể đoàn tụ được nữa.

\* Tại biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai lập ngày 27 tháng 11 năm 2020, bị đơn là ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông và bà Phạm Thị H đăng ký kết hôn năm 1986, hôn nhân dựa trên tình thân tự nguyện của cả hai bên. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H không còn tình cảm và không muốn chung sống với ông. Đến nay bà H làm đơn xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

- Về con chung: Bà H và ông Q đều trình bày vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Thị H1 sinh năm 1987, Nguyễn Thị H2 sinh năm 1989, Nguyễn Thị L sinh năm 1991. Cả 03 người con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên việc nuôi con hai bên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà H và ông Q đều đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;  
- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Q được ly hôn.
2. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên không đề nghị giải quyết.
3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tuy hiện nay ông Nguyễn Văn Q đang ở thị xã S, tỉnh Lào Cai, nhưng bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Q đều có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; xã B là nơi họ thường xuyên sinh sống. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý, giải quyết đơn ly hôn của bà Phạm Thị H là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Q kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay.

Xét mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H xin ly hôn và ông Q cũng đồng ý là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông Q có 03 con chung, đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, nên việc nuôi con không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Do hai bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H phải nộp theo quy định của pháp luật. Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên:*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Q được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn Q có 03 con chung: Nguyễn Thị H1 sinh năm 1987, Nguyễn Thị H2 sinh năm 1989, Nguyễn Thị L sinh năm 1991. Cả 03 người con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, nên việc nuôi con không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Do hai bên không yêu cầu, nên không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2020/0001934, ngày 14/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà H đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Vũ Thị Minh Hòa**

